

Số: 40/2008/QĐ-UBND

Buôn Ma Thuột, ngày 5 tháng 10 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định bổ sung bảng giá tối thiểu dùng để thu lệ phí trước bạ đối với tài sản là xe ô tô, xe hai bánh gắn máy được quy định tại Điều 1, Quyết định số 25/2008/QĐ-UBND, ngày 01/7/2008 của UBND tỉnh

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

CÔNG VĂN BẢN

Số: 7526

Ngày 7 tháng 11 năm 2008

Kính chuyển:.....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND & UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 176/1999/NĐ-CP ngày 21/12/1999 của Chính phủ về lệ phí trước bạ; Nghị định số 80/2008/NĐ-CP ngày 29/7/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 176/1999/NĐ-CP, ngày 21/12/1999 và Nghị định số 47/2003/NĐ-CP, ngày 12/5/2003 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 95/2005/TT-BTC, ngày 26/10/2005 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về lệ phí trước bạ; Thông tư số 79/2008/TT-BTC, ngày 15/9/2008 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 80/2008/NĐ-CP, ngày 29/7/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 176/1999/NĐ-CP, ngày 21/12/1999 và Nghị định số 47/2003/NĐ-CP, ngày 12/5/2003 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1693/TTr-STC ngày 02/10/2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định bổ sung bảng giá tối thiểu dùng để thu lệ phí trước bạ đối với tài sản là xe ô tô, xe hai bánh gắn máy được quy định tại Điều 1, Quyết định số 25/2008/QĐ-UBND, ngày 01/7/2008 của UBND tỉnh.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Giám đốc các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký../.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Chính phủ;
- Vụ Pháp chế-Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VB - Bộ Tư pháp;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐB QH tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh, ;
- Các BP: TH, CN, NC;
- Lưu: VT, TM, TTT học tỉnh (V70b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lữ Ngọc Cư



QUY ĐỊNH

Về việc bổ sung bảng giá tối thiểu dùng để thu lệ phí trước bạ đối với tài sản là xe ô tô, xe hai bánh gắn máy được quy định tại điều 1, Quyết định số 25/2008/QĐ-UBND, ngày 01/7/2008 của UBND tỉnh

(Kèm theo Quyết định số: 40 /2008/QĐ-UBND ngày 30/10/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

PHẦN I:

BỔ SUNG TẠI BẢNG GIÁ TỐI THIỂU THU LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ ĐỐI VỚI XE HAI BÁNH GẮN MÁY

Đơn vị tính: 1000 đồng

TT	LOẠI XE	NƯỚC SX	XE MỚI 100%
1	BRAND 110	Nội địa hoá	5.500
2	DAYANG DY 50 QT-8	TQ-2008	9.500
3	DREAMHOUSE 100	Nội địa hoá	7.000
4	FERVOR 50-1	Nội địa hoá	6.000
5	MANDO MD110	Nội địa hoá	6.500

PHẦN II:

BỔ SUNG TẠI BẢNG GIÁ TỐI THIỂU THU LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ ĐỐI VỚI XE Ô TÔ

Đơn vị tính: 1000 đồng

TT	LOẠI XE	NƯỚC SX	XE MỚI 100%
1	BMW 530i xe con 5 chỗ ngồi, 2979cc (đã qua sử dụng nhập khẩu)	Đức-2005	2.215.000
2	CHIẾN THẮNG CT4.25D2/4x4 xe tải tự đổ 4250kg, 4214cc.	VN-2008	300.000
3	DAEWOO NUBIRA 1.6 xe con 5 chỗ ngồi, 1598 cc	VN-2000	357.000
4	DONGFENG DFL1311A1/HH-TM1 xe tải có mui 14700 kg, 8900cc.	VN-2008	665.000
5	DONGFENG EQ5280GJBM xe trộn bê tông 16.155 kg, 7800cc	TQ-2007	1.100.000
6	DONGFENG EQ5310GJYWF ô tô xitéc (chở nhiên liệu) 16870 kg, 8900cc.	TQ-2008	940.000
7	FAW CA5200XXYPK2LTT3A80-1 ô tô tải (có mui), 10465 kg, 6618cc	TQ-2008	600.000
8	FORD LASER GHIA 1.8AT xe con 5 chỗ ngồi, 1840cc.	VN-2004	620.000
9	FOTON BJ5243VMCGP/THACO-TMB-C ô tô tải (có mui) 9tấn, 5990cc	VN-2008	515.000
10	HONDA CIVIC 2.0L 5AT FD2 xe con 5 chỗ ngồi, 1998cc (IKD)	VN-2008	635.000

TT	LOẠI XE	NƯỚC SX	XE MỚI 100%
11	HONGYAN CQ3253TMG384 xe tải tự đổ 11 tấn, 9726cc	TQ-2008	900.000
12	HYUNDAI PORTER xe tải 1250kg	VN-2005	230.000
13	HYUNDAI HD72 xe tải 3500 kg, 3298cc	HQ-2008	420.000
14	HYUNDAI xe đầu kéo 17 tấn	HQ-1995	720.000
15	JAC HFC 1040K xe tải thùng lửng 1950 kg, 2771cc	VN-2006	180.000
16	JAC HFC 1160KR1 xe tải 9350 kg, 6557cc	TQ-2008	560.000
17	KIA POWER COMBI xe chở khách 25 chỗ ngồi	VN-2003	440.000
18	KIA PRIDE CD5 xe con 5 chỗ ngồi, 1139cc	VN-2000	140.000
19	MERCEDES 4526x1728x1426 xe con 5 chỗ ngồi	VN-2002	1.200.000
20	MERCEDES BENZ S500L xe con 5 chỗ ngồi, 4956cc (đã qua sử dụng nhập khẩu)	Đức-2004	3.744.000
21	MERCEDES C200 xe con 5 chỗ ngồi.	VN-2001	1.006.000
22	MITSUBISHI JOLIE xe con 8 chỗ ngồi.	VN-2000	380.000
23	MITSUBISHI GRANDIS NA4WLRUYLVT xe con 7 chỗ ngồi, 2378cc (CKD).	VN-2008	747.000
24	TANDA T44 xe khách 44 chỗ ngồi.	VN-2002	320.000
25	TOYOTA COROLLA xe con 8 chỗ ngồi.	VN-1998	250.000
26	TOYOTA INNOVA-G xe con 8 chỗ ngồi, 1998cc	VN-2006	505.000
27	TOYOTA ZACE GL xe con 8 chỗ ngồi.	VN-2005	470.000
28	TRANSINCO CAK51B xe khách 51 chỗ ngồi.	VN-2003	540.000